TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Tuấn.

2. Ông Trịnh Thế Phương Nam.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2024/TLST – DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2.Bị đơn:

2.1/Ông Lê Thanh P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2.2/Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1992 (xin vắng)

Địa chỉ: 1/17 Ô4 khu phố C, thị trấn T huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Á trình bày: bà là mẹ ruột của ông P, bà D là vợ của Ph. Koảng tháng 3/2023, ông Phương và bà D có vay Quỹ tín dụng C, vay tiền để chăn nuôi heo trên phần đất thổ mà bà cho ông P. Ca sáng thì bà chăn cho ăn dùm, còn chiều thì P về cho heo ăn và dọn chuồng, bà Dthì mần trên chinlu ít khi về, có con nhỏ nên ít về, khi về thì bà cũng mần dùm rồi, nuôi được 4 tháng thì P bán lại cho bà giá 20.000.000 đồng, cấn trừ nợ của bà. Hết thời gian vay thì P và D không có tiền trả, Phương

mới nói bà là cho mượn tiền trả Ngân hàng dùm, khi nào lãnh tiền bảo hiểm nghỉ việc thì trả tiền lại cho bà, con trai bà làm chinlu nghỉ đúng 01 năm thì mới được lãnh tiền bảo hiểm. Sau đó bà lên Ngân hàng 1 mình trả tiền Ngân hàng và Ngân hàng đưa sổ đỏ cho của P thế chấp giao cho bà giữ, sổ đỏ do ông Lê Thanh P đứng tên, đất ở ấp 1 xã N, đất thổ do bà cho xây chuồng heo. Hiện nay ông P đã lãnh tiền bảo hiểm rồi nhưng không trả tiền cho bà. Ông P về nói đưa bà 50.000.000 đồng trả bà lấy lại sổ đỏ nhưng ông P chỉ nói thôi chứ sau đó cầm tiền đi, do ông P có vợ nhỏ bị bà la nên mới không trả tiền cho bà. Bà khởi kiện yêu cầu ông P và bà D phải trả 50.000.000 đồng mà bà đã cho ông P mượn và trả dùm cho Ngân hàng, bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 5025 tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp 1 xã N huyện T, Quá trình hoà giải và tại phiên toà, bà thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu ông Phương trả cho bà tiền gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi mà bà đã trả thay mấy kỳ, không yêu cầu bà D liên đới trả nợ.

Bị đơn ông Lê Thanh P trình bày: Tháng 3/2023 ông và bà D có vay Ngân hàng cầu voi số tiền 50.000.000 đồng, khi Ngân hàng giao tiền thì ông lấy, mục đích để chăn nuôi heo gà, tại thửa đất cha mẹ cho tại ấp 1 là nuôi heo, nuôi gà trên đất bên vợ. Lúc đó bà Dđang bên nhà mẹ ruột. Toàn bộ số tiền này ông giữ không có đưa bà D, chỉ mua gà đem về bên vợ nuôi, lúc đó ông cũng ở bên nhà vợ, bà D cũng không hỏi gì về số tiền vay này. Nuôi khoảng 4 tháng ông bán heo cho bà Ánh, gà cũng bán cho bà Áluôn, bán heo được 21.000.000 đồng, gà hơn 1.000.000 đồng nhưng bà Á chưa đưa tiền cũng không nói gì. Khi hết hạn vay thì ông có đưa 50.000.000 đồng cho bà Ánh đi trả Ngân hàng dùm, do ông đi về ban đêm không xin nghỉ được nên giao tiền cho bà Ánh đi trả dùm. Số tiền này là do ông đi làm có được, còn tiền bảo hiểm thì sau khi trả Ngân hàng 3-4 tháng thì ông mới lãnh, bà D cũng không biết ông đưa bà Á 50.000.000 đồng trả Ngân hàng vì lúc đó xích mích với bà D rồi, khoảng tháng 11/2023 thì ông không còn ở chung bà Dnữa. Ông đưa tiền bà Á đi trả Ngân hàng xong thì cũng không quan tâm sổ đỏ nằm ở đâu do ai giữ, cũng không hỏi bà Á trả tiền xong chưa, lấy sổ đỏ về chưa. Sau đó bà Á đòi tiền mới chịu đưa sổ đỏ cho ông, khi lãnh tiền bảo hiểm về ông cũng có đem tiếp 50.000.000 đồng về tính đưa bà Á chuộc sổ đỏ lại mà cãi nhau nên ông cầm tiền về. Sau đó tôi tìm hiểu luật thì nghĩ là tôi không có uỷ quyền bà Á lấy sổ đỏ thì bà Ánh không lấy được nên không nghĩ chuộc sổ từ bà Ánữa. Tới lúc mà Uỷ ban nhân dân xã N gửi giấy hoà giải thì ông mới biết sổ đỏ bà Ánh giữ. Theo yêu cầu của bà Ánh thì ông không đồng ý vì ông là người đưa tiền cho bà Ánh trả tiền Ngân hàng, đây là nợ riêng của ông, không liên quan bà D, không phải nợ chung vợ chồng. Ông và bà D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 190/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024 của Toà án nhân dân huyện T, công nhận phần hôn nhân tình cảm và con chung. Còn tài sản chung và nợ chung là không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Diễm trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Phương, bà và ông Phương kết hôn năm 2014, có 01 con chung 10 tuổi. Từ cuối năm 2022 thì vợ chồng có mâu thuẫn vợ chồng không có thường xuyên chung sống, đi đi về về, tới tháng 11/2023 thì ông Phương đã đi không còn chung sống với nhau nữa cho đến nay. Bà và ông Phương đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 190/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024 của Toà

án nhân dân huyện Thủ Thừa, công nhận phần hôn nhân tình cảm và con chung. Còn tài sản chung và nợ chung là không yêu cầu Toà án giải quyết. Hợp đồng vay hai vợ chồng ký tên là do thủ tục Ngân hàng yêu cầu, thực tế khoảng vay này đúng như ông Phương trình bày là nợ riêng của ông Phương, bà không có lấy, ông Phương tự giữ tự tiêu dùng số tiền vay, giấy đỏ cũng do ông Phương đứng tên, bà không có tranh chấp gì liên quan đến đất đai. Đây là nợ riêng của ông Phương nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện buộc liên đới trả nợ của bà Ánh.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: ông P và bà D có ký với Quỹ tín dụng nhân dân C vay số tiền 50.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này do ông Pquản lý và sử dụng. Quá trình hoà giải ông P thừa nhận khi đến hạn có nhờ bà Á cho mượn tiền trả Ngân hàng để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù không có giấy xác nhận việc cho mượn tiền nhưng bà Ánh và ông P là mẹ con ruột, việc giao nhận tiền bằng niềm tin là phù hợp. Việc không lập giấy vay mượn tiền là hợp tình hợp lý không làm mất đi bản chất của giao dịch vay mượn. Theo phiếu thi 50.000.000 đồng của Ngân hàng thì người nộp tiền là bà Phạm Thị Á nên lời trình bày của bà Á là có cơ sở ghi nhận. Mặc khác, ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền hoặc đã giao 50.000.000 đồng cho bà Á, do đó yêu cầu khởi kiện của bà Á là có cơ sở chấp nhận, bà Á không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Ávà ông Lê Thanh Pcó thoả thuận về việc mượn tiền. Nay bà Á khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Do ông Lê Thanh P hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà Ánh khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, bà Huỳnh Thị Ngọc D là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Thanh P là bị đơn vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông P bao gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông Pvẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Á vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà Á, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Bà Phạn Thị Á và ông Lê Thanh P có quan hệ vay mượn tiền. Hai bên trình bày thống nhất là tháng 3/2023 ông P và bà D có ký với Quỹ tín dụng nhân dân C vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, ông P có nhờ bà Á đi trả tiền Ngân hàng dùm ông số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Á cho rằng ông P mượn tiền bà trả Ngân hàng trước, sau đó ông P nói trả lại bà nhưng chưa trả nên bà khởi kiện. Quá trình hoà giải, ông P cho rằng đã đưa tiền cho bà Á 50.000.000 đồng để trả Ngân hàng do ông đi làm tối mới về, lần 2 bà Á đòi thêm mới cho ông lấy giấy đỏ, ông tính đưa nhưng cãi nhau nên ông mới cầm tiền đi, hiện bà Ánh vẫn còn giữ giấy đỏ của ông. Thấy rằng, ngày 15/3/2023 ông P và bà D có ký với Quỹ tín dụng nhân dân C hợp đồng tín dụng số 079/HĐTD để vay số tiền 50.000.000 đồng thời hạn vay 12 tháng. Theo Phiếu Thu ngày 21/3/2024, bà Phạm Thị Á là người nộp số tiền 50.000.000 đồng nội dung thu hồi nợ gốc HĐTD số 079/23 tên Lê Thanh P. Vậy có căn cứ bà Á có thay ông P trả số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, điều này cũng được ông P thừa nhận và thực tế bà Ánh cũng đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 620813 đối với thửa số 5025 tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp 1 xã N huyện T tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Lê Thanh P ngày 03/3/2020. Tuy nhiên, ông P cho rằng ông đã trả lại cho bà Á 50.000.000 đồng là không được bà Á thừa nhận, ông P cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là ông đã trả cho bà Ánh 50.000.000 đồng nên lời trình bày này không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Phiếu Thu ngày 21/3/2024 và lời thừa nhận của ông P, buộc ông P trả cho bà Ánh số tiền 50.000.000 đồng. Bà Ákhông yêu cầu bà D liên đới trả nợ và không yêu cầu ông P trả tiền lãi nên không xem xét. Bà Á có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Thanh P 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 620813 đối với thửa số 5025 tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp 1 xã N huyện T tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Lê Thanh P ngày 03/3/2020

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[8] Về án phí: ông Lê Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thanh toán. Bà Á được miễn nộp tạm ứng án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Á.

Buộc ông Lê Thanh P có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Á số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bà Phạm Thị Á có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh P 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 620813 đối với thửa số 5025 tờ bản đồ số 2 toạ lạc ấp 1 xã N huyện T tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Lê Thanh P ngày 03/3/2020.

Về án phí: ông Lê Thanh Ph phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ánh được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm Phán – chủ toạ phiên toà**

Phạm Quốc Tuấn - Trịnh Thế Phương Nam **Hồ Bảo Trâm**